TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 31-01-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Yên

Ông Trương Xuân Vũ

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 17-11-2023- về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-01-2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16-01-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thúy D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Trương Kim B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thúy D trình bày:

Chị và anh Trương Kim B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17-3-2016 tại UBND thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh B không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung là Trương Anh K, sinh ngày 30-9-2016 và Trương Minh Kh, sinh ngày 03-11-2021. Hiện hai con đều đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.500.000 đồng/1 tháng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Trương Kim B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Chị Đinh Thúy D được ly hôn anh Trương Kim B.

+ Về con chung: Giao hai con chung là Trương Anh K, sinh ngày 30-9-2016 và Trương Minh Kh, sinh ngày 03-11-2021 cho chị Đinh Thúy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Trương Kim B phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/1 tháng.

+ Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh B phải chịu tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Trương Kim B có nơi cư trú tại thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35,

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Chị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thúy D và anh Trương Kim B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 17-3-2016 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ cho thấy, sau khi kết hôn Chị D và anh B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu mẫu, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị D, cho Chị D được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị D và anh B có hai con chung là Trương Anh Khôi, sinh ngày 30-9-2016 và Trương Minh Kh, sinh ngày 03-11-2021. Ly hôn Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh B hiện đã ly thân, hai con đang được Chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Trương Anh K có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích, nguyện vọng và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các con nên giao hai con cho Chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.500.000 đồng/1 tháng. Việc Chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, việc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con ngoài căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì cũng cần căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy, anh B hiện là lao động tự do, không xác định được mức thu nhập cụ thể, do đó căn cứ vào mức thu thập trung bình tại địa phương để quyết định mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh B phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thúy D được ly hôn anh Trương Kim B.

2. Về con chung: Giao hai con là Trương Anh Khôi, sinh ngày 30-9-2016 và Trương Minh Kh, sinh ngày 03-11-2021 cho chị Đinh Thúy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Trương Kim B phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là là 1.000.000 đồng/1 tháng *(Một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa khi thi hành án xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thúy D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0001563 ngày 17-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị D đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trương Kim B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND tt Yen Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao